

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 458/2024/HC-PT

Ngày: 15/8/2024

*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong
lĩnh vực đất đai*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;
Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lê - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tuyền, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử trực tuyến vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 268/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện bà Đàm Thị P đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8336/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Đàm Thị P, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Anh P1 - Luật sư thuộc Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội; Có mặt.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H, tỉnh Lạng Sơn và UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thị H - Quyền Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND và UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn:*

1. Ông Bùi Công T, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

2. Ông Hà Huy H1, Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

3. Ông Hoàng Việt T1, chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt.

4. Ông Đỗ Văn H2, viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Hứa Thị L;

2. Anh Lăng Văn L1;

3. Cháu Lăng Xuân T2;

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; anh L1 có mặt, bà L, cháu T2 đều vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà L, anh L1, cháu T2: Bà Đàm Thị P; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

*** Người kháng cáo:** Bà Đàm Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người khởi kiện bà Đàm Thị P trình bày:

Tại Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 30/06/2023 của UBND huyện H (gọi tắt QĐ 2785) thu hồi 3.280,3m² đất của hộ bà Đàm Thị P để thực hiện dự án N giao đường cao tốc vào khu công nghiệp H, tỉnh Lạng Sơn. Trong đó mảnh trích đo số TĐ-32, thửa đất số 5, diện tích 1.884,6m² được xác định là đất trồng cây hàng năm khác; Mảnh trích đo số TĐ-32, thửa đất số 5, diện tích 337,2m² được xác định là đất trồng cây lâu năm; Mảnh trích đo số TĐ-32, thửa đất số 26, diện tích 455,1m² được xác định là đất chuyên trồng lúa nước; Mảnh trích đo số TĐ-32, thửa đất số 31, diện tích 52,6m² được xác định là đất chuyên trồng lúa nước; Mảnh trích đo số TĐ-33, thửa đất số 4, diện tích 93,5m² được xác định là đất trồng cây hàng năm khác; Mảnh trích đo số TĐ-32, thửa đất số 6, diện tích 457,3m² được xác định là đất trồng cây lâu năm. Bà cho rằng Quyết định số 2785/QĐ-UBND xác định loại đất thu hồi tại thửa đất số 6, diện tích 457,3m² là đất trồng cây lâu năm là không đúng mục đích sử dụng đất, phải được xác định là đất ở tại nông thôn.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 6, diện tích 457,3m² là do bố mẹ chồng bà là bà Hứa Thị L và ông Lăng Văn K khai hoang từ những năm 1967. Bố mẹ chồng bà đã xây dựng nhà hai gian trên mảnh đất này để ở và trồng

hoa màu trên diện tích đất này, sau đó sử dụng ổn định từ đó đến nay, không có tranh chấp. Năm 1980, bố mẹ chồng bà xây lại nhà theo lối trình tường, lợp bằng gạch cỏ. Năm 2018 do ngôi nhà đã dột nát, tường sập đổ, ngôi nhà này lại là chỗ ở duy nhất của đại gia đình bà, nên gia đình bà đã xây dựng lại ngôi nhà mới trên nền cũ của ngôi nhà trước đây, quanh khu vực cũng đều có nhà xây dựng, khi xây dựng cũng không có bị xử lý vi phạm của chính quyền địa phương. Việc gia đình bà làm ăn, sinh sống trên mảnh đất này từ rất lâu. Có sự chứng kiến của bà con nhân dân trong thôn, trong xã, có các đồng chí lãnh đạo địa phương biết rõ sự việc này. Căn cứ vào nguồn gốc nêu trên, diện tích đất nêu trên của gia đình bà hoàn toàn đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực tế tại “Biên bản đối thoại với người khiếu nại” ngày 27/10/2023 của UBND huyện H cũng xác định: Diện tích 208,8m² trong 457,3m² của thửa đất số 06 của gia đình bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng lại cấp sai đối tượng, không đúng thực tế người sử dụng đất là gia đình bà mà lại cấp cho ông Hoàng Văn D. Cụ thể: Phần diện tích 208,8m² của thửa đất 06 theo tờ bản đồ địa chính số 49 xã H vẽ năm 1996 thuộc một phần thửa đất số 149, diện tích 855m², loại đất vườn đồi 157 (VĐ), thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N830908, sổ vào sổ 139QSĐĐ/197, cấp ngày 10/5/1999 cho ông Hoàng Văn D, ông Hoàng Văn D đã làm thủ tục gộp thửa, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 7 thửa đất với tổng diện tích 3,805,5 m² (trong đó đã trừ đi phần diện tích thửa đất số 149) thành thửa đất số 230, tờ bản đồ số 50 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 890027, cấp ngày 26/5/2021. Ngày 20/10/2023, tổ xác minh đã làm việc với ông D và được biết thực tế gia đình ông D không sử dụng thửa đất này mà do gia đình bà Đàm Thị P canh tác, sử dụng ổn định từ khoảng năm 1985 đến nay, quá trình sử dụng có ranh giới rõ ràng, không phát sinh tranh chấp, chuyển nhượng đối với thửa đất. Tại Trích lục Bản đồ địa chính do Công ty cổ phần T3- Lạng Sơn cũng xác nhận thửa đất nêu trên của gia đình bà là đất ở tại nông thôn. Tại Thông báo số 282/TB-UBND ngày 10/6/2022 của UBND huyện H về việc thu hồi đất cũng xác định loại đất của gia đình bà nêu trên là đất ở tại nông thôn. Diện tích đất nêu trên của gia đình bà hoàn toàn đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đủ điều kiện bồi thường về đất theo đúng quy định tại Điều 75 Luật đất đai 2013.

Thửa đất số 5, diện tích 337,2m² (thửa đất số 5) xác định là đất trồng cây lâu năm là hoàn toàn trái quy định của pháp luật. Diện tích đất này phải được xác định là đất trồng cây hàng năm khác vì thửa đất 05 tổng diện tích 2.221,8 m² của gia đình bà có nguồn gốc do gia đình khai hoang và sử dụng từ những năm 1967, trong đó một phần diện tích thửa đất 1.884,6 m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần còn lại 337,2 m² chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thửa đất nêu trên gia đình bà đều trồng xen kẽ nhiều loại cây trồng lâu năm và cây hàng năm. Hiện tại diện tích 1.884,6m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xác định là đất trồng cây hàng năm. Do vậy, phần còn lại 337,2m² tuy chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cũng phải được xác định là đất trồng cây hàng năm.

Tại Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 30/06/2023 của UBND huyện H xác định tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình bà Đàm Thị P không đúng quy định của pháp luật khi không bồi thường giá trị đất ở với diện tích 457,3m² tại thửa đất số 6 cho gia đình bà vì gia đình bà hoàn toàn đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013, hoàn toàn đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại điều 75 luật đất đai 2013. Việc này cũng thể hiện tại nội dung Bản án số 10/2023/DS-ST, ngày 25/9/2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng: “*Đối với những đất các cá nhân, hộ gia đình đang sử dụng có nguồn gốc từ nông, lâm trường tại địa bàn huyện H, UBND huyện đã có kế hoạch số: 85/KH-UBND ngày 30/3/2018 của UBND huyện H về việc xác định ranh giới, cắm mốc, ranh giới sử dụng đất, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Số tiền gia đình bà phải được bồi thường về đất ở là $457,3\text{m}^2 \times 400.000 \text{ đồng/m}^2 = 182.920.000 \text{ đồng}$ (một trăm tám mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Bảng tổng hợp dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình bà kèm theo Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 không bồi thường đúng loại đất; không bồi thường đúng số tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; không hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất với diện tích 337,2 m² tại thửa đất số 5, mảnh trích đo số TĐ- 32 của gia đình bà là không đúng. Số tiền bồi thường về đất phải được bồi thường là $48.000 \text{ đồng/m}^2 \times 337,2\text{m}^2 = 16.185.600 \text{ đồng}$. Số tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là $48.000 \text{ đồng/m}^2 \times 337,2 \text{ m}^2 \times 3 = 48.556.800 \text{ đồng}$; Số tiền hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất là $48.000 \text{ đồng/m}^2 \times 337,2\text{m}^2 = 16.185.600 \text{ đồng}$.

Tại Biểu tính xác định giá trị các công trình trên diện tích đất 457,3 m² tại thửa đất số 6 của gia đình bà được tính là 3.480.894.112 đồng nhưng lại không bồi thường cho gia đình bà là hoàn toàn trái quy định pháp luật, bởi các công trình trên diện tích đất là tài sản tích góp bao năm của nhiều thế hệ gia đình bà, gia đình bà đã phải vay mượn anh em họ hàng số tiền rất lớn gần 2.000.000.000 đồng mới có tiền xây dựng ngôi nhà vì không còn nơi ở nào khác mà gia đình bà mới xây dựng trên diện tích đất nêu trên. Các công trình này được xây dựng trên nền cũ của ngôi nhà đã xây dựng từ năm 1967. Do vậy, việc gia đình bà phá bỏ ngôi nhà cũ đã đổ nát để xây dựng nhà mới làm nơi ở và sinh hoạt duy nhất là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Điều này cũng chứng minh vì sao khi xây dựng lại nhà lại không bị xử lý vi phạm hành chính của chính quyền địa phương. Việc xây dựng nhà là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định; UBND huyện H không bồi thường về tài sản trên đất của gia đình bà là hoàn toàn trái quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa xem xét buộc UBND huyện H bồi thường giá trị xây dựng với ngôi nhà nêu trên của gia đình bà với hệ số 100% với giá trị là 3.480.894.112 đồng.

Tiền bồi thường, hỗ trợ cây keo chủ không đúng quy định. Tổng lượng cây keo chủ năm thứ nhất của gia đình bà là 1147 cây, nhưng chỉ được bồi thường với hệ số 0.1. Tổng số lượng cây keo chủ trồng năm thứ 3 là 1680 cây, trong đó có 33 cây được bồi thường với hệ số 0.5; 1647 cây chỉ được bồi thường với hệ số 0.1 là

không phù hợp quy định của pháp luật. Diện tích trồng cây keo chủ thuộc thửa đất số 5 là 2.221,8m², trên diện tích này gia đình bà trồng số lượng cây là 2.827cây, mật độ cây của gia đình bà thực tế là 12.723 cây/ha, trong đó mật độ cho phép là 55.000 cây/ha (theo tiêu chuẩn quốc gia về kỹ thuật xây dựng vườn cây đầu dòng 2017. TCVN 8760-1:2017). Theo Thông báo số 65/TB-UBND ngày 16/2/2023 của UBND tỉnh L thì số tiền bồi thường cây keo chủ năm thứ nhất của gia đình bà là 1147 cây x 21.000 đồng/cây x 50% = 12.043.500 đồng, số tiền bồi thường, hỗ trợ cây keo chủ năm thứ 3 là 1680 cây x 28.500 đồng/cây x 50% = 23.940.000 đồng.

Quyết định phê duyệt phương án bồi thường UBND huyện H chưa cấp đất tái định cư cho gia đình bà theo đúng quy định của pháp luật khi gia đình bà không còn nơi ở nào khác. Gia đình bà là gia đình có công với cách mạng có mẹ chồng là bà Hứa Thị L sinh năm 1937 hiện tại đang sống chung cùng với gia đình bà trên thửa đất và ngôi nhà bị thu hồi. Mẹ chồng bà đã tham gia dân công hỏa tuyến trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước, được hưởng chế độ theo Quyết định số 45/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Chính Phủ.

Không đồng ý với các Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường mà UBND huyện H đã ban hành, bà làm đơn khiếu nại. Ngày 02/11/2023, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 4504/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 30/06/2023 của UBND huyện H về việc thu hồi đất đối với hộ bà Đàm Thị P để thực hiện dự án N giao đường cao tốc vào khu công nghiệp H; giữ nguyên Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 30/06/2023 của UBND huyện về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án N giao đường cao tốc vào khu công nghiệp H (đợt 4) đối với hộ gia đình bà Đàm Thị P, thường trú tại thôn N, xã H.

Bà Đàm Thị P khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Lạng Sơn giải quyết:

1. Tuyên hủy Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện H về việc thu hồi đất để thực hiện dự án nút giao đường cao tốc vào khu công nghiệp H;

2. Buộc UBND huyện H sửa đổi một phần Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án nút giao đường cao tốc vào khu công nghiệp H (đợt 4) phần liên quan đến hộ gia đình bà, đảm bảo việc bồi thường hỗ trợ tái định cư cho gia đình bà theo quy định của pháp luật.

3. Tuyên hủy Quyết định số 4504/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Đàm Thị P trú tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (lần đầu);

4. Buộc UBND huyện H ban hành quyết định thu hồi khác trong đó xác định đúng loại đất bị thu hồi: Mảnh trích đo số TĐ 32, thửa số 6 diện tích 475,3m² được xác định loại đất là đất ở; Mảnh trích đo số TĐ 32, thửa số 5 diện tích 337,2m² được xác định loại đất là đất trồng cây hàng năm;

5. Buộc UBND huyện Hữu ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường khác trong đó bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho gia đình bà P theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 347/UBND-TNMT và Công văn số 339/UBND-TNMT ngày 23/02/2024, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch UBND huyện H trình bày:

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh L; trên cơ sở Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện H, tỉnh Lạng Sơn; UBND huyện H đã ban hành thông báo thu hồi đất, thực hiện đo đạc, kiểm đếm; thực hiện các thủ tục phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Ngày 30/6/2023, UBND huyện H ban hành Quyết định số 2785/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ bà Đàm Thị P, diện tích đất thu hồi là 05 thửa đất của hộ gia đình bà Đàm Thị P đang sử dụng với tổng diện tích 3.280,3m² gồm: Thửa đất số 05, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 2.221,8m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN); thửa đất số 06, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 457,3m², loại đất ở tại nông thôn (ONT); thửa đất số 26, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 455,1m², loại đất chuyên trồng lúa nước (LUC); thửa đất số 31, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 52,6m², loại đất chuyên trồng lúa nước (LUC); thửa đất số 04, mảnh trích đo TĐ-33, diện tích 93,5m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN) đồng thời cùng ngày UBND huyện ban hành Quyết định 2791/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình trong đó có hộ bà Đàm Thị P, theo đó hộ bà Đàm Thị P được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 985.225.000 đồng.

Về tái định cư: Hộ gia đình bà P không đủ điều kiện hỗ trợ tái định cư do không bị thu hồi đất ở. Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã H, Nhà văn hóa thôn N, xã H từ ngày 07/7/2023 và được gửi cho hộ gia đình bà Đàm Thị P ngày 11/7/2023 (bà P không ký biên bản giao nhận).

Đối với Quyết định số 4504/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại được ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Luật khiếu nại và chương IV Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại.

UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Hứa Thị L, anh Lăng Văn L1 và cháu Lăng Xuân T2 đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị P đồng thời ủy quyền cho bà Đàm Thị P tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 157, Điều 158, Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật tố Tụng hành chính năm 2015; Khoản 3 Điều 11; khoản 3 Điều 66; Điều 69;

khoản 1, 2 Điều 79; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 3, Nghị định 43/2024/NĐ-CP, ngày 15/5/2024 được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ; Điều 18, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 của Luật Khiếu nại năm 2011; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị P về các yêu cầu sau:

1. Hủy Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện H về việc thu hồi đất để thực hiện dự án nút giao đường cao tốc vào khu công nghiệp H, tỉnh Lạng Sơn;

2. Buộc UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn sửa đổi một phần Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án nút giao đường cao tốc vào khu công nghiệp H (đợt 4) phần liên quan đến hộ gia đình bà, đảm bảo việc bồi thường hỗ trợ tái định cư cho gia đình bà theo quy định của pháp luật.

3. Hủy Quyết định số 4504/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Đàm Thị P trú tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (lần đầu);

4. Buộc UBND huyện Hữu ban hành quyết định thu hồi khác trong đó xác định đúng loại đất bị thu hồi Mảnh trích đo số TĐ 32, thửa số 6 diện tích 475,3m² được xác định loại đất là đất ở; Mảnh trích đo số TĐ 32, thửa số 5 diện tích 337,2m² được xác định loại đất là đất trồng cây hàng năm;

5. Buộc UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường khác trong đó bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho gia đình bà Đàm Thị P theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/5/2024, người khởi kiện bà Đàm Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, đồng thời nhất trí với quan điểm của luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà P.

Người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị bác kháng cáo của bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị P là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới bảo vệ cho nội dung kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngày 23/11/2023, bà Đàm Thị P khởi kiện Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 về việc thu hồi đất, Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường của UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 4504/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Đàm Thị P. Đây là các Quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tác động trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện nên là đối tượng khởi kiện vụ án theo Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý giải quyết và xác định còn trong thời hiệu khởi kiện là đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2]. Đơn kháng cáo của người khởi kiện gửi đến Tòa án đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 204, Điều 205 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của người bị kiện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng quyết định xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[2.1]. Đối với nội dung kháng cáo của bà Đàm Thị P cho rằng việc xác định loại đất để bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất 06, mảnh trích đo TĐ 32, diện tích 457,3m² là đất trồng cây lâu năm (CLN) là không đúng mục đích sử dụng, phải bồi thường diện tích là đất ở.

Xét thấy: Bà P cho rằng gia đình bà xây dựng nhà và các công trình trên diện tích này từ năm 1980, đến năm 2018 do nhà cũ xuống cấp mới xây lại như hiện tại. Đồng thời, tại thông báo thu hồi đất số 282/TB-UBND ngày 09/6/2022 của UBND huyện H cũng xác định mục đích sử dụng đất của gia đình bà P là đất ở nông thôn, nên cần phải xác định diện tích đất này là đất ở. Ngoài ra, một phần diện tích hơn 200m² thửa 06, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 457,3m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn D, nhưng ông D không

quản lý sử dụng mà là gia đình bà canh tác, sử dụng ổn định từ năm 1985 đến nay. Vì vậy, thửa đất số 06, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 457,3m² đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở và bồi thường theo giá đất ở.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 về căn cứ để xác định loại đất thì loại đất thể hiện theo bản đồ đất Nông trường xã H, huyện H kèm theo Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 05/12/2007 của UBND tỉnh L là đất trồng cây lâu năm (CLN). Việc bà Đàm Thị P cho rằng một phần thửa đất số 06, mảnh trích đo TĐ 32, diện tích 457,3m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn D nhưng thực tế gia đình ông Hoàng Văn D không sử dụng, mà do gia đình bà Đàm Thị P canh tác, sử dụng ổn định từ năm 1985 đến nay là không có căn cứ. Mặt khác, UBND huyện H đã thực hiện việc chồng ghép bản đồ; Sau khi chồng ghép thì thửa đất số 06, mảnh trích đo TĐ-32 thuộc một phần thửa 149, bản đồ địa chính số 49 xã H loại đất vườn đồi. Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H cấp cho ông Hoàng Văn D ghi loại đất: Đất màu. Quá trình sử dụng đất, hộ bà Đàm Thị P không có giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất cũng như chưa thực hiện việc kê khai quyền sử dụng đất theo quy định. Do đó, UBND huyện H xác định loại đất thu hồi đối với thửa đất 06, mảnh trích đo TĐ-32, diện tích 457,3m² là đất trồng cây lâu năm là có căn cứ.

[2.2]. Đối với nội dung kháng cáo của bà Đàm Thị P cho rằng thửa đất số 05, TĐ-32, diện tích 337,2m² có một phần diện tích đất 73,5m² UBND huyện H xác định là đất trồng cây lâu năm là không đúng mục đích sử dụng, phải được bồi thường với giá đất trồng cây hàng năm khác (BHK). Xét thấy:

Đối với thửa đất số 05, tờ bản đồ số 32, diện tích 337,2m², trong đó có diện tích 263,7m²/337,2m² nguồn gốc đất Nông trường, sau khi giải thể đã giao cho UBND huyện H quản lý; phần diện tích đất còn lại 73,5m² không nằm trong bản đồ đất Nông trường do địa phương quản lý và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trên đất có các cây ăn quả như mít, bưởi, đào và 2.827 cây keo chủ. Theo phiếu ý kiến khu dân cư ngày 02/11/2022 thể hiện thửa đất này có nguồn gốc do gia đình khai phá từ năm 1967, một phần diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn một phần diện tích chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất chủ yếu gia đình bà P trồng cây ăn quả (vải, nhãn...), hiện trạng đang trồng cây vải, nhãn, cây keo chủ và làm vườn ươm, cây hom, mục đích sử dụng đất theo trích đo địa chính số 32 là trồng cây lâu năm.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ về xác định loại đất, trường hợp đang sử dụng ổn định mà không có các loại giấy tờ theo quy định, không phải do lấn chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng sử dụng. Do đó, UBND huyện H xác định loại đất thu hồi đối với thửa số 05, tờ bản đồ số 32, diện tích 337,2m², trong đó có phần diện tích 75,32m² là đất trồng cây lâu năm là đảm bảo đúng quy định.

[2.3]. Đối với yêu cầu của bà Đàm Thị P buộc UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn sửa đổi một phần Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án nút giao đường cao tốc vào khu công nghiệp H (đợt 4) phần liên quan đến hộ gia đình bà, đảm bảo việc bồi thường hỗ trợ tái định cư cho gia đình bà theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử. Xét thấy:

Như đã phân tích ở trên, diện tích 457,3m² đất thuộc thửa đất 06, mảnh trích đo TĐ-32 có nguồn gốc là đất Nông trường, sau khi giải thể đã giao lại cho UBND huyện H quản lý, theo quy hoạch là đất trồng cây lâu năm, gia đình bà P cũng không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Do đó, không có căn cứ để xác định diện tích đất này là đất ở. Đồng thời, căn cứ các tài liệu thể hiện: Trước đây gia đình bố mẹ chồng bà P sinh sống trên thửa đất này từ những năm 1980, năm 1997 thì về sống với vợ chồng bà P tại thôn N, năm 2015 gia đình bà P quay lại đây sống, đến năm 2018 bà P mới xây dựng công trình nhà ở. Như vậy thửa đất trên gia đình bà P không có quá trình quản lý, sử dụng liên tục và gia đình đã xây dựng nhà trên đất nông nghiệp là không đúng mục đích sử dụng đất. Do đó, UBND huyện H không hỗ trợ về đất cho hộ bà Đàm Thị P là có căn cứ. Ngoài ra, tại Thông báo số 687/TB- UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh L, thông báo kết luận của đồng chí Lương Trọng Q, Phó Chủ tịch UBND tỉnh L tại cuộc họp chuyên đề đánh giá tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm và xem xét giải quyết khó khăn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện, thành phố (kỳ tháng 11/2022) thì không hỗ trợ đối với các trường hợp công trình, nhà ở, vật kiến trúc xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường từ sau ngày 01/7/2014. Do đó, UBND huyện H không bồi thường, hỗ trợ nhà ở và các công trình phụ trợ (trừ tường rào bao quanh thửa đất do xây dựng sau năm 2014) là đảm bảo theo quy định.

Về tiền bồi thường hỗ trợ cây keo chủ: Tại biên bản thống kê kiểm đếm đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc cây cối hoa màu ngày 15/8/2022 và 16/8/2022 thì trên thửa đất số 05, tờ bản đồ số 32 có 600.000 cây keo hom giống, 1.680 cây keo chủ trồng năm thứ 3, 1.147 cây keo chủ trồng năm thứ 1. Do gia đình bà P trồng cây keo chủ khi chưa được cấp có thẩm quyền công nhận làm nguồn giống nên không được bồi thường 100% . Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 và Thông báo số 65/TB-UBND ngày 16/02/2023 của UBND tỉnh L về thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh L tại cuộc họp Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ngày 14/02/2023 xem xét giải quyết vướng mắc trong hỗ trợ đối với vườn cây đầu dòng cung cấp hom (cây keo) tại một số dự án trên địa bàn huyện H thì UBND huyện H đã tính toán, bồi thường cho cây keo chủ bị ảnh hưởng của gia đình bà Đàm Thị P là đảm bảo quy định.

[2.4]. Đối với nội dung kháng cáo của bà P đề nghị giao tái định cư cho gia đình bà Đàm Thị P.

Do hộ bà Đàm Thị P không bị thu hồi đất ở, không đủ điều kiện giao tái định cư theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 79 Luật đất đai năm 2013 và Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Hộ bà Đàm Thị P

thuộc trường hợp mất nhà ở phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã H, huyện H. Tuy hộ gia đình bà P không đủ điều kiện cấp tái định cư do xây nhà ở trên đất nông nghiệp nhưng UBND huyện H đã có báo cáo trình UBND tỉnh L xem xét hỗ trợ 01 lô tái định cư với giá thu tiền sử dụng đất theo khoản 3 Điều 19 Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND (K=1,5) và đã được UBND tỉnh L đồng ý tại Công văn số 1886/UBND-KT ngày 28/12/2023. Như vậy, quyền lợi của hộ gia đình bà Đàm Thị P đã được đảm bảo. Việc bà P yêu cầu UBND huyện H ban hành Quyết định cấp đất cho gia đình bà thì tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện có ý kiến hiện nay UBND huyện H đang hoàn thiện về cơ sở hạ tầng đối với khu đất tái định cư và niêm yết công khai danh sách, lấy ý kiến theo quy định pháp luật.

[2.5]. Đối với nội dung kháng cáo của bà P yêu cầu hủy Quyết định số 4504/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu):

Ngày 28/7/2023, bà P có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện H đối với Quyết định 2785/QĐ-UBND và Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện H. Sau khi tiếp nhận khiếu nại, Ban tiếp công dân của huyện H đã làm việc với bà P; Chủ tịch UBND huyện H đã phân công xác minh, tiến hành đối thoại với người khiếu nại và ban hành Quyết định số 4504/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 về việc giải quyết khiếu nại của bà Đàm Thị P là đảm bảo đúng quy định Điều 29, Điều 30 Luật Khiếu nại.

Về nội dung khiếu nại: Như đã phân tích ở trên, Quyết định 2785/QĐ-UBND và Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện H ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, các nội dung của các Quyết định ban hành trên cơ sở các quy định của Luật đất đai, văn bản hướng dẫn, Thông báo Chủ tịch UBND tỉnh L. Do đó, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 4504/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 không chấp nhận khiếu nại của bà P là có căn cứ.

[3]. Từ các phân tích và lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị P là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không cung cấp được tài liệu mới chứng minh cho quan điểm của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Đàm Thị P; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí: Bà Đàm Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm hành chính, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà P đã nộp tại Biên lai thu số 0006095 ngày 31/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Hải